

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lục Kim Thanh;
- Ông Nguyễn Hữu Cồn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 600/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Lệ Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 1570 đường tỉnh lộ 15, tổ 1, ấp PT, xã AP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1971; đăng ký thường trú: Số 854/27 lầu 4, đường NT, phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường 065, tổ 13, khu phố AT, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Lâm Thị Lệ Th trình bày:

Bà Th và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/2017. Sau thời gian chung sống thì thời gian gần đây giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm với nhau trong mọi vấn đề của cuộc sống, mặc dù vợ chồng đã cố gắng dung hoà nhưng không được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Lê Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T;

Về con chung: Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Trọng P, sinh ngày 30/8/2017, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Th. Bà Th và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/2017

Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng trong khoảng thời gian khoảng 01 năm trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường ngày thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng.

Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông T có ý kiến như sau: Chỉ đồng ý ly hôn nếu bà Th đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về con chung: Ông T không đồng ý giao cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Trọng P, sinh ngày 30/8/2017, mà ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn ông Lê Văn T có chỗ ở tại đường 065, tổ 13, khu phố AT, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ

án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Th và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/2017. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Th và bị đơn ông T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T xác định chỉ đồng ý ly hôn khi bà Th giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Như vậy, qua lời trình bày của các đương sự có thể thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không đồng ý ly hôn không phải để cho vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn, quay về cùng nhau chăm lo cho gia đình, chăm sóc tốt cho con cái mà là do chưa thoả thuận được về vấn đề nuôi con chung nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th với bị đơn ông T, bà Th được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà Th và ông T có 01 con chung là cháu Lê Trọng P, sinh ngày 30/8/2017 hiện đang ở cùng bà Th. Bà Th và ông T đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét yêu cầu của các bên thì thấy rằng: Bà Th có công việc và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, cháu Phước cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Th. Ông T yêu cầu nuôi con chung nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc tốt cho con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của nguyên đơn là phù hợp, giao con chung là cháu Phước cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Lệ Th đối với ông Lê Văn T về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Lệ Th được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Trọng P, sinh ngày 30/8/2017 cho bà Lâm Thị Lệ Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Lâm Thị Lệ Th và ông Lê Văn T đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con chung. Ông Lê Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Về Án phí:

Bà Lâm Thị Lệ Th phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0010860 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Văn T không phải nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ quy định pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được

sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Kim Thanh

Nguyễn Hữu Cồn

Lại Thị Ngọc Bích